UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ Y TẾ

Số: 560 /HD-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

HƯỚNG DẪN
Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 51/2025/QH15 ngày 27/11/2024; Luật khám bệnh, chữa bệnh (KCB) số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành thi hành một số điều của Luật BHYT; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB (Thông tư số 14/2014/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (Thông tư số 01/2025/TT-BYT).

Sở Y tế hướng dẫn đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2025, như sau:

I. CƠ SỞ KCB BHYT VÀ ĐĂNG KÝ KCB BHYT BAN ĐẦU

1. Cơ sở KCB đủ điều kiện cơ sở KCB BHYT ban đầu *(chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 4 kèm theo)*

1.1. Các cơ sở KCB BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu: 224.

1.2. Các cơ sở KCB BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: 20.

1.3. Các cơ sở KCB BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu: Không.

2. Cơ sở KCB không đăng ký KCB BHYT ban đầu *(chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*.

3. Quy định đối tượng và dự kiến số lượng thẻ bảo hiểm y tế đăng ký KCB BHYT ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh *(chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)*.

II. QUY ĐỊNH CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KCB BHYT

1. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo thuận lợi và quyền lợi cho người bệnh có thẻ BHYT theo quy định.

- Việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về KCB.

- Không áp dụng đối với những người bệnh bị các bệnh có tên, mã ICD-10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT do những trường hợp này được KCB tại cơ sở KCB cấp cơ bản mà không phải thực hiện quy định về chuyển cơ sở KCB.

2. Về hình thức chuyển người bệnh có thẻ BHYT giữa các cơ sở KCB và điều kiện áp dụng, gồm:

2.1. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT cùng cấp chuyên môn kỹ thuật;

2.2. Chuyển người bệnh từ cơ sở KCB cấp ban đầu đến cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện.

Chuyển người bệnh từ cơ sở KCB cấp ban đầu đến cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh trong các trường hợp người bệnh mắc các bệnh lý chuyên khoa liên quan được chuyển đến các bệnh viện: Mắt, Phổi, Sức khỏe tâm thần, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng.

2.3. Chuyển người bệnh từ cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện đến cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh.

Các hình thức chuyển người bệnh nêu trên áp dụng trong trường hợp theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở KCB nơi chuyển đi.

2.4. Chuyển người bệnh từ cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh về cơ sở KCB cấp cơ bản mà

trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện hoặc cơ sở KCB cấp ban đầu; từ cơ sở KCB cấp cơ bản mà trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện về cơ sở KCB cấp ban đầu trong trường hợp người bệnh đã điều trị ổn định cần tiếp tục điều trị và theo dõi.

2.5. Chuyển người bệnh từ cơ sở KCB cấp cơ bản về cơ sở KCB BHYT ban đầu (trạm y tế xã, phường, thị trấn) để điều trị, theo dõi đối với các bệnh mạn tính không lây nhiễm theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

3. Thủ tục chuyển cơ sở KCB

Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

4. Trách nhiệm của cơ sở KCB

- Thực hiện chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB trong tỉnh theo đúng hướng dẫn trên.

- Tư vấn, hướng dẫn cho người tham gia BHYT về các bệnh được đến KCB tại cơ sở KCB cấp cơ bản, cấp chuyên sâu mà không phải thực hiện thủ tục chuyển cơ sở KCB theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, hoá đơn, chứng từ để người bệnh có thẻ BHYT được thanh toán chi phí vận chuyển theo quy định của pháp luật.

III. KÝ HỢP ĐỒNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

1. Cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) trực tiếp ký Hợp đồng KCB BHYT với các cơ sở KCB cấp cơ bản và cấp ban đầu (cơ sở KCB với mô hình hoạt động là phòng khám đa khoa).

2. Các cơ sở KCB cấp cơ bản thực hiện ký Hợp đồng KCB BHYT với các cơ sở KCB cấp ban đầu (trạm y tế xã, phường, thị trấn) trên địa bàn theo Phụ lục 4 đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Thông báo số 3380/TB-SYT-BHXH ngày 13/11/2024 của liên ngành Sở Y tế - BHXH tỉnh Hà Tĩnh về thông báo các cơ sở KCB đủ điều kiện đăng ký KCB BHYT ban đầu và hướng dẫn đăng ký KCB BHYT ban đầu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2025.

Giao Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo, hướng dẫn các trạm y tế tuyến xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thông báo các nội dung quy định tại Hướng dẫn này rộng rãi đến người có thẻ BHYT.

2. Cơ quan BHXH, các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh căn cứ Hướng dẫn này để ký Hợp đồng KCB BHYT năm 2025; thực hiện đăng ký KCB ban

đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT, quyết toán chi phí KCB BHYT theo đúng quy định (trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi, bổ sung, Sở Y tế sẽ có thông báo điều chỉnh).

3. Riêng đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh sau khi kiện toàn tổ chức và được cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sẽ có hướng dẫn riêng về đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển người bệnh giữa Trung tâm và các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y) để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- BHXH Việt Nam; } (để b/c)
- UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GĐ Sở;
- Các phòng CM Sở;
- BHXH tỉnh;
- Các cơ sở KCB BHYT;
- Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y - TẾ
TỈNH HÀ TĨNH

Lê Chánh Thành

PHỤ LỤC 1

Danh sách các cơ sở KCB đủ điều kiện đăng ký KCB BHYT ban đầu

(Kèm theo Văn bản số /HD-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật	
			Xếp cấp	Điểm
I	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh): 03**			
1.	42012	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Cơ bản	53
2.	42013	Bệnh viện Y học cổ truyền	Cơ bản	29
3.	42020	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Cơ bản	26
II	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến huyện): 17**			
1.	42001	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh	Cơ bản	33
2.	42004	Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ	Cơ bản	29
3.	42010	Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh	Cơ bản	29
4.	42011	Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang	Cơ bản	26
5.	42008	Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà	Cơ bản	26
6.	42337	Bênh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh	Cơ bản	26
7.	42285	Bệnh viện đa khoa Lộc Hà	Cơ bản	25
8.	42002	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	Cơ bản	24
9.	42003	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn - Cơ sở I	Cơ bản	24
10.	42006	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Cơ bản	24
11.	42009	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Xuyên	Cơ bản	22
12.	42007	Trung tâm Y tế huyện Hương Khê	Cơ bản	21
13.	42311	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn - Hà Tĩnh	Cơ bản	21
14.	42005	Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân	Cơ bản	19
15.	42339	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh	Cơ bản	19
16.	42021	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn - Cơ sở II	Cơ bản	17
17.	42316	Bệnh viện đa khoa Hồng Hà	Cơ bản	17
II	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu: 224 (trong đó: 209 Trạm Y tế tuyến xã và 15 phòng khám đa khoa)**			
1.	42328	Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang (Cơ sở 2)	Ban đầu	
2.	42303	Phòng khám Nhân Đức	Ban đầu	
3.	42312	Phòng khám đa khoa Tân Thành	Ban đầu	
4.	42320	Phòng khám đa khoa Hồng Hoàng	Ban đầu	
5.	42332	Phòng khám đa khoa Hợp Lực 82	Ban đầu	

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật	
			Xếp cấp	Điểm
6.	42323	Phòng khám đa khoa Hồng Đức	Ban đầu	
7.	42333	Phòng khám đa khoa Quân Thắng	Ban đầu	
8.	42334	Phòng khám đa khoa Đan Hoàng Long	Ban đầu	
9.	42340	Phòng khám đa khoa Trường Cao đẳng y tế Hà Tĩnh	Ban đầu	
10.	42331	Trung tâm Y tế Bảo trợ xã hội	Ban đầu	
11.	42335	Phòng khám đa khoa DR Vũ	Ban đầu	
12.	42342	Phòng khám đa khoa Kim Đức	Ban đầu	
13.	42343	Phòng khám đa khoa Đức Trí	Ban đầu	
14.	42344	Phòng khám đa khoa Trường Sinh	Ban đầu	
15.	42329	Phòng khám đa khoa Thiện Tâm An	Ban đầu	

PHỤ LỤC 2

Danh sách các cơ sở KCB không đăng ký KCB BHYT ban đầu

(Kèm theo Văn bản số /HD-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật	
			Xếp cấp	Điểm
I	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh): 03**			
1.	42309	Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh	Cơ bản	22
2.	42310	Bệnh viện Phổi	Cơ bản	22
3.	42304	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	Cơ bản	22
II	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu: 01**			
1	42315	Phòng khám, tư vấn và điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Ban đầu	

PHỤ LỤC 3
Quy định đối tượng và số thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu
(Kèm theo Văn bản số /HD-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

TT	Tên cơ sở KCB	Đối tượng đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	+ Những người đang làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước; các Sở, ban, ngành; các tổ chức Chính trị - Xã hội và các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh;	45,000
		+ Viên chức và người lao động đang công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh;	
		+ Người thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh bị bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo;	
		+ Người có thẻ BHYT thuộc diện quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh; người có công với cách mạng; người từ đủ 80 tuổi trở lên và trẻ em dưới 06 tuổi.	
2	Bệnh viện Phục hồi chức năng và Bệnh viện Y học cổ truyền	+ Những người có thẻ BHYT đã đăng ký KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện Phục hồi chức năng và Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2023;	7,000
		+ Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh (nếu có nhu cầu).	
		+ Viên chức và người lao động đang công tác tại Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền.	

TT	Tên cơ sở KCB	Đối tượng đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa
		+ Người có thẻ BHYT thuộc diện quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh; người có công với cách mạng và người từ đủ 80 tuổi trở lên.	
4	Các BVĐK/TTYT có giường bệnh công lập (trừ TTYT thành phố Hà Tĩnh; TTYT huyện Can Lộc; TTYT huyện Hương Sơn - Cơ sở 2)	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố được đăng ký KCB BHYT ban đầu tại BVĐK/TTYT có giường bệnh công lập trên địa bàn.	70,000
5	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh được đăng ký KCB BHYT ban đầu tại TTYT thành phố Hà Tĩnh	100,000
6	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn huyện Can Lộc được đăng ký KCB BHYT ban đầu tại TTYT huyện Can Lộc	85,000
7	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn - Cơ sở 2	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú thuộc các xã: Sơn Hồng, Sơn Lĩnh, Sơn Tây, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2 và thị trấn Tây Sơn được đăng ký KCB BHYT ban đầu tại TTYT huyện Hương Sơn - Cơ sở II	20,000
8	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn - Hà Tĩnh và Bệnh viện đa khoa Hồng Hà	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã nơi có cơ sở KCB đó.	10,000
8	Bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã nơi có cơ sở KCB đó.	20,000
9	Các phòng khám đa khoa (công lập và ngoài công lập, trừ TTYT Bảo trợ xã hội tỉnh)	Người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã nơi có cơ sở KCB đó.	5,000

TT	Tên cơ sở KCB	Đối tượng đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa
10	Trung tâm Y tế bảo trợ xã hội tỉnh	Công chức, viên chức và người lao động thuộc Trung tâm Điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh; người cao tuổi có thẻ BHYT thường trú, tạm trú có thời hạn trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh (nếu có nhu cầu).	1,000
11	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	Những người có thẻ BHYT thường trú, tạm trú trên địa bàn thuộc xã, phường, thị trấn (trừ các trường hợp có nhu cầu đăng ký KCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KCB khác).	BHXH các huyện, thị xã phối hợp với BVĐK/Trung tâm Y tế có giường bệnh trên địa bàn thống nhất phân bổ số lượng thẻ BHYT tại mỗi trạm y tế hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/12/2015 của Bộ Y tế và hướng dẫn của BHXH tỉnh Hà Tĩnh.

PHỤ LỤC 4
Danh sách các đơn vị ký hợp đồng KCB BHYT với các Trạm Y tế năm 2025
(Kèm theo Văn bản số /HD-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
I		**TP Hà Tĩnh**	
1	**42001**	**Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh**	**Cơ bản**
2	42023	TYT phường Trần Phú	Ban đầu
3	42024	TYT phường Nam Hà	Ban đầu
4	42025	TYT phường Bắc Hà	Ban đầu
5	42026	TYT phường Tân Giang	Ban đầu
6	42027	TYT phường Đại Nài	Ban đầu
7	42028	TYT phường Hà Huy Tập	Ban đầu
8	42029	TYT phường Thạch Trung	Ban đầu
9	42030	TYT phường Thạch Quý	Ban đầu
10	42032	TYT phường Văn Yên	Ban đầu
11	42033	TYT phường Thạch Hạ	Ban đầu
12	42035	TYT phường Đồng Môn	Ban đầu
13	42036	TYT phường Thạch Hưng	Ban đầu
14	42037	TYT xã Thạch Bình	Ban đầu
15	42190	TYT xã Thạch Hải	Ban đầu
16	42191	TYT xã Đỉnh Bàn	Ban đầu
17	42201	TYT xã Thạch Khê	Ban đầu
18	42206	TYT xã Thạch Trị	Ban đầu
19	42207	TYT xã Thạch Lạc	Ban đầu
20	42209	TYT xã Tượng Sơn	Ban đầu
21	42210	TYT xã Thạch Văn	Ban đầu
22	42212	TYT xã Thạch Thắng	Ban đầu
23	42214	TYT xã Thạch Đài	Ban đầu
24	42216	TYT xã Thạch Hội	Ban đầu
25	42217	TYT xã Tân Lâm Hương	Ban đầu
26	42228	TYT xã Cẩm Bình	Ban đầu
27	42230	TYT xã Cẩm Vịnh	Ban đầu
28	42297	TYT xã Hộ Độ	Ban đầu
II		**TX Hồng Lĩnh**	
1	**42002**	**Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh**	**Cơ bản**
2	42038	TYT phường Bắc Hồng	Ban đầu
3	42039	TYT phường Nam Hồng	Ban đầu
4	42040	TYT phường Trung Lương	Ban đầu
5	42041	TYT phường Đức Thuận	Ban đầu
6	42042	TYT phường Đậu Liêu	Ban đầu

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
7	42043	TYT xã Thuận Lộc	Ban đầu
III		**Huyện Hương Sơn**	
1	**42003**	**Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn-Cơ sở I**	**Cơ bản**
2	**42021**	**Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn-Cơ sở II**	**Cơ bản**
3	42047	TYT xã Sơn Tiến	Ban đầu
4	42048	TYT xã Sơn Lâm	Ban đầu
5	42049	TYT xã Sơn Lễ	Ban đầu
6	42052	TYT xã Sơn Giang	Ban đầu
7	42054	TYT xã An Hòa Thịnh	Ban đầu
8	42056	TYT xã Tân Mỹ Hà	Ban đầu
9	42058	TYT xã Sơn Ninh	Ban đầu
10	42059	TYT xã Châu Bình	Ban đầu
11	42062	TYT xã Sơn Trung	Ban đầu
12	42063	TYT xã Sơn Bằng	Ban đầu
13	42068	TYT xã Mỹ Long	Ban đầu
14	42069	TYT xã Quang Diệm	Ban đầu
15	42071	TYT xã Hàm Trường	Ban đầu
16	42072	TYT xã Sơn Phú	Ban đầu
17	42075	TYT xã Kim Hoa	Ban đầu
18	42045	TYT thị trấn Tây Sơn	Ban đầu
19	42046	TYT xã Sơn Hồng	Ban đầu
20	42053	TYT xã Sơn Lĩnh	Ban đầu
21	42057	TYT xã Sơn Tây	Ban đầu
22	42065	TYT xã Sơn Kim I	Ban đầu
23	42066	TYT xã Sơn Kim II	Ban đầu
24	42044	TYT thị trấn Phố Châu	Ban đầu
IV		**Huyện Đức Thọ**	
1	**42004**	**Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ**	**Cơ bản**
2	42076	TYT thị trấn Đức Thọ	Ban đầu
3	42078	TYT xã Quang Vĩnh	Ban đầu
4	42080	TYT xã Tùng Châu	Ban đầu
5	42081	TYT xã Trường Sơn	Ban đầu
6	42082	TYT xã Liên Minh	Ban đầu
7	42084	TYT xã Yên Hồ	Ban đầu
8	42085	TYT xã Bùi La Nhân	Ban đầu
9	42086	TYT xã Tùng Ảnh	Ban đầu
10	42092	TYT xã Lâm Trung Thủy	Ban đầu
11	42103	TYT xã Tân Hương	Ban đầu
12	42098	TYT xã Tân Dân	Ban đầu
13	42099	TYT xã An Dũng	Ban đầu

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
14	42100	TYT xã Hòa Lạc	Ban đầu
15	42091	TYT xã Thanh Bình Thịnh	Ban đầu
16	42101	TYT xã Đức Đồng	Ban đầu
17	42102	TYT xã Đức Lạng	Ban đầu
V		**Huyện Vũ Quang**	
1	**42011**	**Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang**	**Cơ bản**
2	42104	TYT thị trấn Vũ Quang	Ban đầu
3	42105	TYT xã Ân Phú	Ban đầu
4	42106	TYT xã Đức Giang	Ban đầu
5	42107	TYT xã Đức Lĩnh	Ban đầu
6	42108	TYT xã Thọ Điền	Ban đầu
7	42109	TYT xã Đức Hương	Ban đầu
8	42110	TYT xã Đức Bồng	Ban đầu
9	42111	TYT xã Đức Liên	Ban đầu
10	42113	TYT xã Hương Minh	Ban đầu
11	42114	TYT xã Quang Thọ	Ban đầu
VI		**Huyện Nghi Xuân**	
1	**42005**	**Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân**	**Cơ bản**
2	42117	TYT thị trấn Xuân An	Ban đầu
3	42118	TYT xã Xuân Hội	Ban đầu
4	42120	TYT xã Đan Trường	Ban đầu
5	42121	TYT xã Xuân Phổ	Ban đầu
6	42122	TYT xã Xuân Hải	Ban đầu
7	42123	TYT xã Xuân Giang	Ban đầu
8	42124	TYT thị trấn Tiên Điền	Ban đầu
9	42125	TYT xã Xuân Yên	Ban đầu
10	42126	TYT xã Xuân Mỹ	Ban đầu
11	42127	TYT xã Xuân Thành	Ban đầu
12	42128	TYT xã Xuân Viên	Ban đầu
13	42129	TYT xã Xuân Hồng	Ban đầu
14	42130	TYT xã Cổ Đạm	Ban đầu
15	42131	TYT xã Xuân Liên	Ban đầu
16	42132	TYT xã Xuân Lĩnh	Ban đầu
17	42133	TYT xã Xuân Lam	Ban đầu
18	42134	TYT xã Cương Gián	Ban đầu
VII		**Huyện Can Lộc**	
1	**42006**	**Trung tâm Y tế huyện Can Lộc**	**Cơ bản**
2	42135	TYT thị trấn Nghèn	Ban đầu
3	42138	TYT xã Thiên Lộc	Ban đầu
4	42139	TYT xã Thuần Thiện	Ban đầu

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
5	42142	TYT xã Vượng Lộc	Ban đầu
6	42144	TYT xã Thanh Lộc	Ban đầu
7	42146	TYT xã Thường Nga	Ban đầu
8	42147	TYT xã Kim Song Trường	Ban đầu
9	42148	TYT xã Tùng Lộc	Ban đầu
10	42151	TYT xã Phú Lộc	Ban đầu
11	42153	TYT xã Khánh Vĩnh Yên	Ban đầu
12	42154	TYT xã Gia Hanh	Ban đầu
13	42158	TYT xã Xuân Lộc	Ban đầu
14	42159	TYT xã Thượng Lộc	Ban đầu
15	42160	TYT xã Quang Lộc	Ban đầu
16	42161	TYT thị trấn Đồng Lộc	Ban đầu
17	42162	TYT xã Mỹ Lộc	Ban đầu
18	42163	TYT xã Sơn Lộc	Ban đầu
VIII		**Huyện Hương Khê**	
1	**42007**	**Trung tâm Y tế huyện Hương Khê**	**Cơ bản**
2	42165	TYT thị trấn Hương Khê	Ban đầu
3	42167	TYT xã Hà Linh	Ban đầu
4	42168	TYT xã Hương Thuỷ	Ban đầu
5	42169	TYT xã Hoà Hải	Ban đầu
6	42170	TYT xã Điền Mỹ	Ban đầu
7	42171	TYT xã Phúc Đồng	Ban đầu
8	42172	TYT xã Hương Giang	Ban đầu
9	42173	TYT xã Lộc Yên	Ban đầu
10	42174	TYT xã Hương Bình	Ban đầu
11	42175	TYT xã Hương Long	Ban đầu
12	42176	TYT xã Phú Gia	Ban đầu
13	42177	TYT xã Gia Phố	Ban đầu
14	42179	TYT xã Hương Đô	Ban đầu
15	42180	TYT xã Hương Vĩnh	Ban đầu
16	42181	TYT xã Hương Xuân	Ban đầu
17	42182	TYT xã Phúc Trạch	Ban đầu
18	42183	TYT xã Hương Trà	Ban đầu
19	42184	TYT xã Hương Trạch	Ban đầu
20	42185	TYT xã Hương Lâm	Ban đầu
21	42186	TYT xã Hương Liên	Ban đầu
IX		**Huyện Thạch Hà**	
1	**42008**	**Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà**	**Cơ bản**
2	**42285**	**Bệnh viện đa khoa Lộc Hà**	**Cơ bản**
3	42187	TYT thị trấn Thạch Hà	Ban đầu

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
4	42188	TYT xã Ngọc Sơn	Ban đầu
5	42195	TYT xã Thạch Kênh	Ban đầu
6	42196	TYT xã Thạch Sơn	Ban đầu
7	42197	TYT xã Thạch Liên	Ban đầu
8	42202	TYT xã Thạch Long	Ban đầu
9	42203	TYT xã Việt Tiến	Ban đầu
10	42208	TYT xã Thạch Ngọc	Ban đầu
11	42211	TYT xã Lưu Vĩnh Sơn	Ban đầu
12	42219	TYT xã Thạch Xuân	Ban đầu
13	42222	TYT xã Nam Điền	Ban đầu
14	42286	TYT xã Ích Hậu	Ban đầu
15	42287	TYT xã Hồng Lộc	Ban đầu
16	42288	TYT xã Phù Lưu	Ban đầu
17	42289	TYT xã Bình An	Ban đầu
18	42290	TYT xã Tân Lộc	Ban đầu
19	42292	TYT xã Thịnh Lộc	Ban đầu
20	42293	TYT xã Thạch Kim	Ban đầu
21	42294	TYT thị trấn Lộc Hà	Ban đầu
22	42295	TYT xã Thạch Châu	Ban đầu
23	42296	TYT xã Mai Phụ	Ban đầu
24	42298	TYT xã Thạch Mỹ	Ban đầu
X		**Huyện Cẩm Xuyên**	
1	**42009**	**Trung tâm Y tế huyện Cẩm Xuyên**	**Cơ bản**
2	42224	TYT thị trấn Cẩm Xuyên	Ban đầu
3	42225	TYT thị trấn Thiên Cầm	Ban đầu
4	42226	TYT xã Yên Hòa	Ban đầu
5	42227	TYT xã Cẩm Dương	Ban đầu
6	42231	TYT xã Cẩm Thành	Ban đầu
7	42232	TYT xã Cẩm Quang	Ban đầu
8	42235	TYT xã Cẩm Thạch	Ban đầu
9	42236	TYT xã Cẩm Nhượng	Ban đầu
10	42237	TYT xã Nam Phúc Thăng	Ban đầu
11	42238	TYT xã Cẩm Duệ	Ban đầu
12	42240	TYT xã Cẩm Lĩnh	Ban đầu
13	42241	TYT xã Cẩm Quan	Ban đầu
14	42242	TYT xã Cẩm Hà	Ban đầu
15	42243	TYT xã Cẩm Lộc	Ban đầu
16	42244	TYT xã Cẩm Hưng	Ban đầu
17	42245	TYT xã Cẩm Thịnh	Ban đầu
18	42246	TYT xã Cẩm Mỹ	Ban đầu

TT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB	Cấp chuyên môn kỹ thuật
19	42247	TYT xã Cẩm Trung	Ban đầu
20	42248	TYT xã Cẩm Sơn	Ban đầu
21	42249	TYT xã Cẩm Lạc	Ban đầu
22	42250	TYT xã Cẩm Minh	Ban đầu
XI		**Thị xã Kỳ Anh**	
1	**42010**	**BVĐK thị xã Kỳ Anh**	**Cơ bản**
2	42260	TYT phường Kỳ Ninh	Ban đầu
3	42265	TYT xã Kỳ Lợi	Ban đầu
4	42269	TTYT xã Kỳ Hà	Ban đầu
5	42272	TYT phường Hưng Trí	Ban đầu
6	42273	TYT phường Kỳ Trinh	Ban đầu
7	42274	TYT phường Kỳ Thịnh	Ban đầu
8	42276	TYT xã Kỳ Hoa	Ban đầu
9	42277	TYT phường Kỳ Phương	Ban đầu
10	42278	TYT phường Kỳ Long	Ban đầu
11	42280	TYT phường Kỳ Liên	Ban đầu
12	42282	TYT phường Kỳ Nam	Ban đầu
XII		**Huyện Kỳ Anh**	
1	**42339**	**Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh**	**Cơ bản**
2	42252	TYT xã Kỳ Xuân	Ban đầu
3	42253	TYT xã Kỳ Bắc	Ban đầu
4	42254	TYT xã Kỳ Phú	Ban đầu
5	42255	TYT xã Kỳ Phong	Ban đầu
6	42256	TYT xã Kỳ Tiến	Ban đầu
7	42257	TYT xã Kỳ Giang	Ban đầu
8	42258	TYT thị trấn Kỳ Đồng	Ban đầu
9	42259	TYT xã Kỳ Khang	Ban đầu
10	42261	TYT xã Kỳ Văn	Ban đầu
11	42262	TYT xã Kỳ Trung	Ban đầu
12	42263	TYT xã Kỳ Thọ	Ban đầu
13	42264	TYT xã Kỳ Tây	Ban đầu
14	42266	TYT xã Kỳ Thượng	Ban đầu
15	42267	TYT xã Kỳ Hải	Ban đầu
16	42268	TYT xã Kỳ Thư	Ban đầu
17	42270	TYT xã Kỳ Châu	Ban đầu
18	42271	TYT xã Kỳ Tân	Ban đầu
19	42279	TYT xã Lâm Hợp	Ban đầu
20	42281	TYT xã Kỳ Sơn	Ban đầu
21	42283	TYT xã Kỳ Lạc	Ban đầu